

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 2297 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của
Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2102/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 68 /TTr-STC ngày 27 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và bãi bỏ các quyết định sau:

1. Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng.

2. Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng.

4. Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng.

5. Khoản I.4, Mục A, Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 19/9/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và UBND các quận, huyện trên địa bàn thành phố.

6. Khoản I.1, I.4, I.9, Mục A, Phần I, Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực quản lý công sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

7. Quyết định số 3648/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

8. Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 16/05/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung một số thủ tục hành chính được quy định tại Quyết định số 3648/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

9. Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 11/11/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thêm mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng tại Quyết định số 3648/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

10. Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

11. Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

12. Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

13. Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

14. Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

15. Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư; đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

16. Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 18/9/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi,

bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, bỏ công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

17. Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

18. Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Trung tâm TTGSĐHTM (IOC);
- Lưu: VT, NCKS, STC.

CHỦ TỊCH



Lê Trung Chính

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
I	Lĩnh vực Tài chính - Ngân sách									
1	Xét duyệt thanh toán chi phí xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo thủ tục hành chính.	1.008871	X	Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	5 ngày làm việc	- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; - Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; - Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính; - Luật Xử lý vi phạm hành chính			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							số 15/2012/QH13; - Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; - Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; - Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							tịch thu theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; - Thông tư số 16/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả. - Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 08/11/2023			
II	Lĩnh vực Tài chính đầu tư									
2	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.	1.008864	X	Theo quy định tại khoản 1, Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Dự án nhóm A: Tối đa không quá 03 tháng (đối với hồ sơ nộp trực tuyến tối đa không quá 88 ngày); thời gian	- Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ ban hành Quy định về Quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; - Thông tư số	+ Đối với công trình, hạng mục công trình nhóm A, B: Sở Tài chính; + Đối với công trình, hạng mục	+ Đối với công trình, hạng mục công trình nhóm A, B: UBND cấp tỉnh. + Đối với công trình, hạng mục	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
				ngày 11/11/2021		phê duyệt tối đa không quá 12 ngày (đối với hồ sơ nộp trực tuyến tối đa không quá 11 ngày). - Dự án nhóm B: Tối đa không quá 02 tháng (đối với hồ sơ nộp trực tuyến tối đa không quá 59 ngày); thời gian phê duyệt tối đa không quá 10 ngày (đối với hồ sơ nộp trực tuyến tối đa không quá	96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán; - Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; - Kế hoạch vốn bố trí cho công trình qua các năm và các văn bản cấp phát vốn;	công trình nhóm C: Sở Tài chính.	công trình nhóm C: Sở Tài chính.	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
						09 ngày). - Dự án nhóm C: Tôi đa không quá 01 tháng (đối với hồ sơ nộp trực tuyến tôi đa không quá 30 ngày); thời gian phê duyệt tôi đa không quá 08 ngày (đối với hồ sơ nộp trực tuyến tôi đa không quá 07 ngày).	- Hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá xây dựng cơ bản, các văn bản, quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đấu thầu, hợp đồng xây dựng và chế độ tài chính đầu tư do Trung ương và UBND thành phố Đà Nẵng ban hành. - Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 08/11/2023			
III	Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp									
3	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương.	1.007623.H17		Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:	10 ngày làm việc	- Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn - Thông tư số 58/2017/TT-BTC ngày 13/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số chính sách hỗ trợ tài chính cho tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. - Quyết định số			

[illegible]

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
5	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	2.002206.H17		Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	3 ngày làm việc	- Thông tư 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách. - Quyết định số 336/QĐ-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
V	Lĩnh vực Quản lý công sản									
6	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm, thuê tài sản thuộc thẩm quyền của UBND thành phố hoặc Chủ tịch UBND thành phố sử dụng nguồn vốn nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.	1.008867	X	Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Xe ô tô, tàu: 20 ngày (trực tiếp); 17 ngày (trực tuyến); - Nhà, đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp, ...: 25 ngày (trực tiếp); 22 ngày (trực tuyến).	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; - Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; - Nghị quyết số 60/2022/NQ-	Sở Tài chính	- UBND cấp tỉnh: Đối với nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc, tài sản khác gắn liền với đất. - Chủ tịch UBND cấp tỉnh: Đối với xe ô tô, tàu.	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của HĐND thành phố quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng; - Các văn bản pháp lý quy định hiện hành khác. - Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 08/11/2023			
7	Thanh toán chi phí từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.	3.000433.H17		Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính	30 ngày	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được UBND cấp tỉnh	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					công thành phố Đà Nẵng		và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. - Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	chỉ định làm chủ tài khoản tạm giữ	chỉ định làm chủ tài khoản tạm giữ	
8	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế.	3.000410.H17		Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của UBND cấp tỉnh: 36 ngày làm việc.	- Điều 28, Nghị định số 77/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 21 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025). - Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	Chủ tịch UBND cấp tỉnh (Sở Tài chính tham mưu)	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
9	Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh	3.000424.H17		Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số	UBND cấp tỉnh (Sở Xây dựng tham mưu)	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	nghiệp.				hành chính công thành phố Đà Nẵng		127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025.			
10	Khai thác tài sản KCHT đường sắt đô thị theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia).	3.000425.H17		Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025.	Chủ tịch UBND cấp tỉnh (Sở Xây dựng tham mưu)	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
11	Điều chuyển tài sản KCHT đường sắt đô thị.	3.000429.H17		Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025.	UBND cấp tỉnh (Sở Xây dựng tham mưu)	UBND cấp tỉnh	
12	Sử dụng tài sản KCHT đường sắt đô thị để tham gia dự án đầu tư theo	3.000434.H17		Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:	30 ngày	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Chủ tịch UBND	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	phương thức đối tác công tư.				Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		của Chính phủ; - Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025.	(Sở Xây dựng tham mưu)	cấp tỉnh	
13	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất.	3.000291.H17		Không có	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	30 ngày làm việc	- Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác. - Quyết định số 2791/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
VI	Lĩnh vực chăn nuôi									
14	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi.	1.012835.H17		Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	- Lập hồ sơ giải ngân gửi Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh: Trong vòng 15 ngày làm việc; - Giải ngân khoản kinh phí hỗ trợ: Trong 03 ngày làm việc.	- Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi. - Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	Sở Tài chính	Sở Tài chính	
VII	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp									
15	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	1.010010.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					phố Đà Nẵng		ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
16	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	1.010023.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
17	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	<u>2.001610</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
18	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	<u>2.001583</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Phòng Đăng ký kinh	Phòng Đăng ký kinh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	doanh	doanh	
19	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	<u>2.001199</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
20	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	<u>2.002043</u> .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
21	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	<u>2.002042</u> .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
22	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	<u>2.002041</u> .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Năng		của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
23	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	<u>1.005169</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
24	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	<u>2.002011</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
25	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	<u>2.002010</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
26	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	<u>2.002009</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
27	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	<u>2.002008</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
28	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty	<u>1.005114</u>		2852,	- Địa điểm	03 ngày làm	Luật Doanh	Phòng	Phòng	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	trách nhiệm hữu hạn một thành viên	.H17		2266	tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	việc	ngành số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký kinh doanh	Đăng ký kinh doanh	
29	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	<u>2.002</u> 000 .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
30	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	<u>2.001996</u> .H17		2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							hoạch và Đầu tư			
31	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	<u>2.001993</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
32	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	<u>2.002044</u> .H17		2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					công thành phố Đà Nẵng		ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
33	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	<u>2.001992</u> .H17		2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
34	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	<u>2.001954</u> .H17		2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
35	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ	<u>2.002069</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Phòng Đăng ký kinh	Phòng Đăng ký kinh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	phần, công ty hợp danh)				Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	doanh	doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
36	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	<u>2.002070</u> .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
37	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	<u>2.002031</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
38	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	<u>2.002075</u> .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
39	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	<u>2.002072</u>		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Năng		của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
40	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	<u>2.002045</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
41	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	<u>1.005176</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
42	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	1.010026 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
43	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	<u>2.002085</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Năng		của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
44	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	<u>2.002083</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
45	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	<u>2.002059</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
46	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và	<u>2.002060</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Phòng Đăng ký kinh	Phòng Đăng ký kinh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	công ty hợp danh)				Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	doanh	doanh	
47	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	<u>2.002057</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
48	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	<u>2.002034</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
49	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	<u>2.002032</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
50	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	<u>2.002033</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Năng		của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
51	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.010027.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
52	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	<u>2.002018</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
53	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký	<u>2.002017</u> .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế				Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
54	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	<u>2.002015</u> .H17		2852, 2266	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
55	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	<u>2.002029</u> .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
56	Giải thể doanh nghiệp	<u>2.002023</u>			- Địa điểm	03 ngày làm	Luật Doanh	Phòng	Phòng	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
		.H17			tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	việc	ngành số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đăng ký kinh doanh	Đăng ký kinh doanh	
57	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	<u>2.002022</u> .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
58	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	<u>2.002020</u> .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							hoạch và Đầu tư			
59	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	<u>2.002016</u> .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
60	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	2.000368 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					công thành phố Đà Nẵng		ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
61	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	2.000416.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
62	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	2.000375.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
63	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay	1.010029.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Phòng Đăng ký kinh	Phòng Đăng ký kinh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp				Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	doanh	doanh	
64	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	1.010030.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
65	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.010031.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ tài chính; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
66	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	2.002418.000.00.00. H47			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	14 ngày làm việc	Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 28/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ KH&ĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
67	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)	2.002004.000.00.00. H47			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Không quy định	Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 28/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ KH&ĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
68	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	2.002005.000.00.00. H47			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:	15 ngày làm việc	Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số	Phòng Đăng ký kinh	Phòng Đăng ký kinh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		80/2021/NĐ-CP ngày 28/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ KH&ĐT	doanh	doanh	
69	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	2.000005.000.00.00.H47			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	15 ngày làm việc	Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 28/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ KH&ĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
70	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	1.000016.000.00.00.H47			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính	15 ngày làm việc	Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 28/6/2021 của Chính phủ;	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					công thành phố Đà Nẵng		Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ KH&ĐT			
71	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	2.000024.000.00.00.H47			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	15 ngày làm việc	Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 28/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ KH&ĐT	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	
72	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	2.001999.000.00.00.H47			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 28/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày	Phòng Đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							10/5/2022 của Bộ KH&ĐT			
VIII	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam									
73	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009642.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	50 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	
74	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009644.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	50 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
75	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009645.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	10 ngày làm việc và 40 ngày	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.			
76	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009646.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	10 ngày làm việc và 40 ngày	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					phố Đà Nẵng		định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.			
77	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009647.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	3 ngày làm việc đối với trường hợp 1; 10 ngày làm việc đối với trường hợp 2.	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
78	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009649 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	50 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	
79	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009650 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	50 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 12/11/2021	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
80	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009652 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	50 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	
81	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009653 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	10 ngày làm việc và 40 ngày	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							nước ngoài và xúc tiến đầu tư.			
82	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.009654 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	50 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	
83	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	1.009655 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	50 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							hoạch và Đầu tư			
84	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009656.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	12 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.			
85	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc	1.009657.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà	5 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)				Năng		hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.			
86	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009659 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	31 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	
87	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009661 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính	5 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					công thành phố Đà Nẵng		định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.			
88	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009662.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	15 ngày	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
89	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	1.009664.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	15 ngày	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.			
90	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009665.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Cấp lại 5 ngày làm việc; Hiệu đính 3 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							trường Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
91	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009671.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	03 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	Sở Tài chính	
92	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	1.009729.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	15 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.			
93	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009731.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	15 ngày làm việc	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.			
94	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước	1.009736.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ	7 ngày làm	Lưu Luật Đầu tư số 61/2020/QH14	Sở Tài	Sở Tài	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	ngoài trong hợp đồng BCC				sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	việc	ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	chính	chính	
95	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn	1.009742 .000.00.0 0.H47			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	34 ngày	Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT	BQL các khu KT và Khu CN	UBND cấp tỉnh	BQL các khu KT và Khu CN tỉnh Quảng Nam
96	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	1.009755 .000.00.0 0.H47			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ	25 ngày	Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 24/11/2023			BQL các khu KT và Khu

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					hành chính công thành phố Đà Nẵng					CN tỉnh Quảng Nam
IX	Lĩnh vực viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO)									
97	Thủ tục Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	2.002333 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	20 ngày	- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ; Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	
98	Thủ tục Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy	2.002334 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	20 ngày	- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ; Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	ban nhân dân thành phố				phố Đà Nẵng		28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
99	Thủ tục Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	2.002335.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	20 ngày	- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ; Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	
X	Lĩnh vực Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)									
100	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	1.008423.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà	- Đối với Chương trình đầu tư công, dự án nhóm A: 53 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Chủ đầu	Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Năng	tư (Trong đó: Thời hạn giải quyết tại Sở Kế hoạch và Đầu tư: 45 ngày; tại UBND thành phố: 08 ngày). - Đối với dự án nhóm B, C: 36 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Chủ đầu tư (Trong đó: Thời hạn giải quyết tại Sở Kế hoạch và Đầu tư: 30 ngày; tại UBND thành phố: 06 ngày).	số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ; Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng.			
101	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	2.002551.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	45 ngày làm việc	Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							của Chính phủ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ; Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng.			
102	Quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư)	2.001991.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	20 ngày làm việc	Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ; Nghị định số	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ			
103	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	2.002053 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	30 ngày	Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	
104	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị chủ dự án	2.002050 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà	Không có	Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; Nghị định số 114/2021/NĐ-CP	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Năng		ngày 16/12/2021 của Chính phủ; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ			
XI	Lĩnh vực Xây dựng cơ bản									
105	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng và không có cầu phần xây dựng	1.010536	X		- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	35 ngày	Luật Đầu tư công ngày 18/6/ 2014; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng			
106	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án có tổng mức đầu tư trên 15 tỷ đồng và không có cấu phần xây dựng	1.010539	X		- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Đ/v dự án nhóm A: 53 ngày; Đ/v dự án B,C; 36 ngày	Luật Đầu tư công ngày 18/6/ 2014; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							ngày 09/02/2021 của Chính phủ; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng			
107	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	1.010537	X		- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm	25 ngày	Luật Đấu thầu ngày 23/6/ 2023; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ; Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;Quyết định số 32/2021/QĐ-			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng			
108	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	1.010532	X		- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	11 ngày	Luật Đấu thầu ngày 23/6/ 2023; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội; Nghị định số	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ; Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
109	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các dự án do UBND thành phố làm chủ đầu tư	1.010538	X		- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Gói nhỏ: 10 ngày; các trường hợp còn lại: 13 ngày	Luật Đấu thầu ngày 23/6/ 2023; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ; Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng			
110	Thủ tục Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án nhóm B, C vốn ngân sách thành phố (Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định)	1.010540	X		- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	30 ngày	Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ; Luật Sửa đổi, bổ	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng; Nghị quyết 288/2020/NQ-HĐND ngày			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							13/3/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng			
111	Thủ tục Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án nhóm A do thành phố quản lý (Sở Tài chính là cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định)	1.010546	X		- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	45 ngày	Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ;	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							<i>Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 32/2021/QĐ-</i>			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng			
112	Thủ tục Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án PPP có phần nhà nước tham gia (Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định)	1.010549	X		- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	A: 16 ngày; B,C: 8 ngày	Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 Chính phủ;	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; <i>Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020;</i>			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							<i>Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ;</i> <i>Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng;</i> <i>Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng</i> <i>Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020;</i> <i>Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ</i>			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
XII	Lĩnh vực Đầu tư theo hình thức đối tác công tư									
113	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009491.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	29 ngày	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của	HĐND cấp tỉnh; UBND cấp tỉnh; Hội đồng thẩm định cơ sở hoặc đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ thẩm định	HĐND cấp tỉnh; UBND cấp tỉnh; Hội đồng thẩm định cơ sở hoặc đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ thẩm định	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ;Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28/3/2025 của Chính phủ.			
114	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009492 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà	29 ngày	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung	HĐND cấp tỉnh; UBND cấp tỉnh; Hội đồng thẩm định cơ sở hoặc đơn vị trực	HĐND cấp tỉnh; UBND cấp tỉnh; Hội đồng thẩm định cơ sở hoặc đơn vị trực	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Năng		một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số	thuộc được giao nhiệm vụ thẩm định	thuộc được giao nhiệm vụ thẩm định	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28/3/2025 của Chính phủ.			
115	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009493 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	29 ngày	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt	HĐND cấp tỉnh; UBND cấp tỉnh; Hội đồng thẩm định cơ sở hoặc đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ thẩm định	HĐND cấp tỉnh; UBND cấp tỉnh; Hội đồng thẩm định cơ sở hoặc đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ thẩm định	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							và Luật thi hành án dân sự; Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ;Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28/3/2025 của Chính phủ.			
116	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do	1.009494.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:	29 ngày	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số	HĐND cấp tỉnh; UBND	HĐND cấp tỉnh; UBND	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	nhà đầu tư đề xuất				Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu	cấp tỉnh; Hội đồng thẩm định cơ sở hoặc đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ thẩm định	cấp tỉnh; Hội đồng thẩm định cơ sở hoặc đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ thẩm định	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							thầu;Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ;Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28/3/2025 của Chính phủ.			
XIII	Lĩnh vực Lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư có sử dụng đất									
117	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư có sử dụng đất	1.010930.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	31 ngày	<i>Luật Đấu thầu ngày 23/6/ 2023; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;</i>	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							Luật Đất đai ngày 29/11/ 2013; Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014; Luật Đầu tư ngày 18/6/2020; Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ; Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ trưởng Bộ			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							Xây dựng; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; <i>Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng</i>			
118	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư có sử dụng đất	1.010931.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà	31 ngày	<i>Luật Đấu thầu ngày 23/6/ 2023; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức</i>	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Năng		<i>đổi tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật Đất đai ngày 29/11/ 2013; Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014; Luật Đầu tư ngày 18/6/2020; Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ; Thông tư số</i>			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; <i>Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng</i>			
119	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật dự án đầu tư có sử dụng đất	1.010932.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ	31 ngày	<i>Luật Đấu thầu ngày 23/6/ 2023; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy</i>	Sở Tài chính	UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					hành chính công thành phố Đà Nẵng		hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật Đất đai ngày 29/11/ 2013; Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014; Luật Đầu tư ngày 18/6/2020; Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							ngày 26/03/2021 của Chính phủ; Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; <i>Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng</i>			
120	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư	1.010933			- Địa điểm tiếp nhận hồ	31 ngày	<i>Luật Đấu thầu ngày 23/6/ 2023;</i>	Sở Tài	UBND	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	có sử dụng đất	.H17			sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		<i>Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật Đất đai ngày 29/11/ 2013; Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014; Luật Đầu tư ngày 18/6/2020; Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020</i>	chính	cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí, lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							của Chính phủ; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ; Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; <i>Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND thành phố</i>			

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							<i>Đà Nẵng</i>			
XIV	Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư									
121	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	2.002603.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	25 ngày; 8 ngày làm việc	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ; Nghị định số	UBND cấp tỉnh; Sở Tài chính; Ban quản lý Khu kinh tế; Cơ quan đơn vị được Trưởng ban quản lý khu kinh tế giao nhiệm vụ	UBND cấp tỉnh; Sở Tài chính; Ban quản lý Khu kinh tế; Cơ quan đơn vị được Trưởng ban quản lý khu kinh tế giao nhiệm vụ	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ			
XV	Lĩnh vực Đấu thầu									
122	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	<u>1.012507</u> . H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	23 ngày làm việc	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng BKH&ĐT	Sở Tài chính	Sở Tài chính	
123	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	<u>1.012508</u> . H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà	7 ngày làm việc	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; Thông tư số 02/2024/TT-	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Năng		BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng BKH&ĐT			
124	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	<u>1.012509</u> . H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	7 ngày làm việc	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng BKH&ĐT	Sở Tài chính	Sở Tài chính	
125	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	<u>1.012510</u> .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	5 ngày làm việc	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ; Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày	Sở Tài chính	Sở Tài chính	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
							06/3/2024 của Bộ trưởng BKH&ĐT			
XVI	Lĩnh vực chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại luật doanh nghiệp									
126	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	2.002665 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	3 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 89/2024/NĐ-CP ngày 16/7/2024 của Chính phủ	Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Sở Tài chính	Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Sở Tài chính	
127	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV	2.002666 .H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm	3 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà	Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Sở	Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Sở	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng		nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 89/2024/NĐ-CP ngày 16/7/2024 của Chính phủ	Tài chính	Tài chính	
128	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	2.002667.H17			- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	3 ngày làm việc	Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 89/2024/NĐ-CP ngày 16/7/2024 của Chính phủ	Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Sở Tài chính	Cơ quan đại diện chủ sở hữu; Sở Tài chính	
XVI I	Lĩnh vực phí, lệ phí									
129	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước	1.008603.H17		Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp:	- Tại Sở Nông nghiệp và	- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP	- Sở Nông nghiệp và Môi	Sở Nông nghiệp và Môi	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
	thải.				Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Môi trường: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ khai phí.	ngày 05/5/2020; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025.	trường;	trường	
130	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.	1.013040.H17		Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng	Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: 30 ngày làm việc.	- Luật Ngân sách nhà nước; Luật Phí và lệ phí; Luật Quản lý thuế; Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
XVI II	Lĩnh vực tài chính đất đai									
131	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	1.012994.H17		Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền	Cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	TTHC đặc thù	Phí , lệ phí	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Ghi chú
					hành chính công thành phố Đà Nẵng		sử dụng đất, tiền thuê đất; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.			

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
1	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	2.002635 .H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định	- Đối với tổ hợp tác: Miễn phí; - Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: 30.000 đồng/lần.	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ¹	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;	
2	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	2.002636 .H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị	- Đối với tổ hợp tác: Miễn phí; - Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Không có.	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;	
3	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi	2.002637 .H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Miễn phí	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của	

¹ Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã: Tùy thuộc vào sự phân công nhiệm vụ của UBND cấp xã (Phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị).

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
	hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023				- Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	2.002638 .H17	03 ngày làm việc	Miễn phí	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
5	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	2.002639 .H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Miễn phí	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
6	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	2.002640 .H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Miễn phí	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
					đăng ký kinh doanh cấp xã	ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
7	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	2.002641.H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Miễn phí	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						chính	
8	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	2.002642 .H17	* Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định. * Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn (thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác).	Miễn phí	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
9	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002643 .H17	03 ngày làm việc	Không có	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
					chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
10	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	2.002644 .H17	03 ngày làm việc	Không có	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
11	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002645.H17	03 ngày làm việc	Không có	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
12	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	2.002646.H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Không có	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
					quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002648 .H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Miễn phí	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						chính	
14	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002649 .H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Miễn phí: khi thay đổi thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ do thay đổi về địa giới hành chính; - 50.000 đồng: đối với các trường hợp thay đổi thông tin khác trên Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã.	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
15	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002650 .H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Miễn phí	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
16	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	1.005280.H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	50.000 đồng/lần	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
17	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn	2.002123	03 ngày làm việc kể từ	50.000 đồng/lần	- Địa điểm tiếp nhận	Luật Hợp tác xã	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
	phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	.HI7	ngày nhận hồ sơ hợp lệ		hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1.005277 .HI7	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	30.000 đồng/lần	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
19	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004901 .H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	50.000 đồng/lần	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT- BKHDĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
20	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên	1.004979 .H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	30.000 đồng/lần	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Quyết định số Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
	hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập				- Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
21	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.001958 .H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Không có	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
22	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.005378 .H17	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	30.000 đồng/lần	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
23	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	1.005377 .H17	03 ngày làm việc	Không có	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền	Quyết định số Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
					quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.001973 .H17	03 ngày làm việc	50.000 đồng/lần	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Bộ trưởng Bộ Tài chính	
25	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004982.H17	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể. - Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.	Không có	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Thay đổi mã TTHC từ 2.002 643.H 17 sang Mã TTH C 1.004 982.H 17
26	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.005010.H17	* Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước: - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ	Không có	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền quyết định: Cơ quan	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP	Thay đổi mã TTHC từ 2.002 644.H

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. - Kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác. * Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa		đăng ký kinh doanh cấp xã	ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	17 sang mã TTH C 1.005 010.H 17

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			điểm kinh doanh ở nước ngoài: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.				
II	Lĩnh vực thành lập và hoạt động tổ hợp tác (Áp dụng cho các tổ hợp tác không thực hiện đăng ký theo Luật Hợp tác xã 2023)						
27	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	2.002226.H17	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã	Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2025; Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
28	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2.002228.H17	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã	Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2025; Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Bộ trưởng Bộ Tài chính	
III	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
29	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002668	10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Cơ quan đơn vị có khả năng, thẩm quyền hỗ trợ	Luật Hợp tác xã 2023; Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
IV	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh						
30	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1.001612 .H17	3 ngày làm việc	50.000 đồng/lần	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: cơ quan đăng	Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
					ký kinh doanh cấp xã	Chính phủ; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
31	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	2.000720 .H17	3 ngày làm việc	30.000 đồng/lần	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
32	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	1.001570 .H17	3 ngày làm việc	Không phí	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
33	Chấm dứt hoạt động hộ kinh	1.001266	3 ngày làm việc	Không phí	Địa điểm tiếp nhận hồ	Nghị định số	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
	doanh	.HI7			sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
34	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2.000575 .HI7	3 ngày làm việc	50.000 đồng/lần	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 85/2019/TT-BTC	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT; Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
V	Lĩnh vực đất đai						
35	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	1.012994 .H17	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp xã	- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						của Bộ Tài chính.	
VI	Lĩnh vực phí, lệ phí						
36	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.	1.008603.H17	- Tại UBND cấp xã: Không quy định thời gian giải quyết; - Tại cơ quan chuyên môn được UBND cấp xã giao thực hiện: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận tờ khai phí.	Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp xã	- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025.	
37	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.	1.013040.H17	Tại cơ quan chuyên môn được UBND cấp xã giao thực hiện: 30 ngày làm việc.	Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp xã	- Luật Ngân sách nhà nước; Luật Phí và lệ phí; Luật Quản lý thuế; Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025.	
VII	Lĩnh vực Quản lý công sản						
38	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế.	3.000410.H17	Đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của UBND cấp xã: 29 ngày làm việc;	Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện	- Điều 28, Nghị định số 77/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 21	

STT	Tên TTHC	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Mã Phí , lệ phí	Địa điểm tiếp nhận Cơ quan giải quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
					và có thẩm quyền giải quyết: Chủ tịch UBND cấp xã	Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025). - Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	
39	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.	3.000327.H17	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp xã	- Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;	
40	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, huỷ hoại.	3.000326.H17	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện và có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp xã	- Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025.	

C. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐẶC THÙ

Lĩnh vực Xây dựng cơ bản

1. Thẩm định và phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng và không có cấu phần xây dựng

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ; Kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; Tiếp nhận hồ sơ, ghi Giấy biên nhận.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ tiếp nhận cho Lãnh đạo phòng xem xét chuyển chuyên viên thẩm định trong 01 ngày.

- Bước 4: Chuyên viên phụ trách lĩnh vực thực hiện kiểm tra, lấy ý kiến các đơn vị liên quan và thẩm định trong thời gian: 25 ngày.

- Bước 5: Lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt văn bản thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật trong 03 ngày.

- Bước 6: Sau khi văn bản thẩm định được ban hành, chuyên viên thẩm định tiếp tục kiểm tra hồ sơ và xử lý để trình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật trong 03 ngày.

- Bước 7: Lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật trong 02 ngày.

- Bước 8: Bộ phận văn thư tiếp nhận, chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và thông báo Chủ đầu tư dự án đến nhận trong vòng 01 ngày.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật của Chủ đầu tư;

+ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và nguồn vốn, khả năng vốn ngân sách thành phố;

+ Quy hoạch Tổng mặt bằng được duyệt (Đối với các dự án xây dựng tại địa điểm mới hoặc dự án mở rộng có yêu cầu phê duyệt Tổng mặt bằng xây dựng);

+ Văn bản xác định giá trị bồi thường giải phóng mặt bằng có xác nhận của Chủ đầu tư và UBND cấp xã tại khu vực thực hiện dự án (Đối với các dự án có bồi thường giải phóng mặt bằng);

+ Thuyết minh Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật và dự toán đã được thẩm tra, có chữ ký, đóng dấu của Chủ đầu tư;

+ File dữ liệu (khi cần thiết);

+ Các văn bản khác có liên quan (nếu có);

+ Đối với hồ sơ Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật điều chỉnh, ngoài các nội dung trên cần bổ sung Báo cáo giám sát đánh giá quá trình đầu tư dự án.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Chủ đầu tư, trong đó gồm: 30 ngày thực hiện việc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật và 05 ngày phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài chính.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Tờ trình phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật của Chủ đầu tư.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

- *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

- *Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

- *Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

- *Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

- *Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.*

2. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án có tổng mức đầu tư trên 15 tỷ đồng và không có cầu phần xây dựng

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ; Kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; Tiếp nhận hồ sơ, ghi Giấy biên nhận.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ tiếp nhận cho Lãnh đạo phòng xem xét chuyển chuyên viên thẩm định trong 01 ngày.

- Bước 4: Chuyên viên phụ trách lĩnh vực thực hiện kiểm tra thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi trong thời gian 25 ngày (đối với dự án nhóm B,C) hoặc 40 ngày (đối với dự án nhóm A).

- Bước 5: Lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở xem xét xử lý trong 03 ngày.

- Bước 6: Gửi hồ sơ lên Văn phòng UBND thành phố trình Lãnh đạo UBND thành phố trong vòng 06 ngày (đối với dự án nhóm B,C) hoặc 08 ngày (đối với dự án nhóm A).

- Bước 7: Bộ phận văn thư tiếp nhận, chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và thông báo Chủ đầu tư dự án đến nhận trong vòng 01 ngày.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của Chủ đầu tư;

+ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và nguồn vốn, khả năng vốn ngân sách thành phố;

+ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đã được đóng dấu thẩm tra; có chữ ký, đóng dấu của Chủ đầu tư;

+ File dữ liệu (khi cần thiết);

+ Các văn bản khác có liên quan (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với dự án nhóm A: 53 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Chủ đầu tư (Trong đó: Thời hạn giải quyết tại Sở Tài chính: 45 ngày; tại UBND thành phố: 08 ngày).

- Đối với dự án nhóm B, C: 36 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Chủ đầu tư (Trong đó: Thời hạn giải quyết tại Sở Tài chính: 30 ngày; tại UBND thành phố: 06 ngày).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố Đà Nẵng
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở tài chính tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Tờ trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi của chủ đầu tư.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*
- *Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*
- *Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*
- *Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.*

MẪU TỜ TRÌNH VÀ CÁC VĂN BẢN TRONG QUY TRÌNH THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
(Kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Mẫu số 02	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt dự án

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan
.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.*

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 02

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm định
báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD
dự án...

Kính gửi: (Tên đơn vị trình).

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của..... trình
thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều
theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số
62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số... /2021/NĐ-CP ngày ... tháng 3 năm 2021 của Chính phủ
quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm định
báo cáo nghiên cứu khả thi (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có)
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:
(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)
2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:...

Mẫu số 3

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án (tên dự án...)*

(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có)

Theo đề nghị của.... tại Tờ trình số... ngày... của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án (tên dự án...) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo kinh tế-kỹ thuật) đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:
8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:
10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có);
11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:
12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:
13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):
14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có):

15. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm, thi hành Quyết định này.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

3. Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ; Kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; Tiếp nhận hồ sơ, ghi Giấy biên nhận.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ tiếp nhận cho Lãnh đạo phòng xem xét chuyển chuyên viên thẩm định trong 01 ngày.

- Bước 4: Chuyên viên phụ trách lĩnh vực thực hiện kiểm tra thẩm định trong thời gian 16 ngày.

- Bước 5: Lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở xem xét xử lý trong 02 ngày.

- *Bước 6: Gửi hồ sơ lên Văn phòng UBND thành phố trình Lãnh đạo UBND thành phố xem xét phê duyệt trong vòng 05 ngày.*

- Bước 7: Bộ phận văn thư tiếp nhận, chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và thông báo Chủ đầu tư dự án đến nhận trong vòng 01 ngày.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Chủ đầu tư;
+ Quyết định phê duyệt dự án hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật;
+ Quyết định phê duyệt bố trí nguồn vốn để triển khai dự án;
+ Văn bản cho phép thực hiện theo hình thức lựa chọn nhà thầu hạn chế hoặc chỉ định thầu (nếu có);

+ Bản vẽ thiết kế thi công, dự toán hoặc chứng từ thẩm định giá được duyệt và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Chủ đầu tư. Trong đó: Thời hạn giải quyết tại Sở Tài chính: 20 ngày. Thời hạn giải quyết tại UBND thành phố: 05 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố Đà Nẵng

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà

thầu của Chủ đầu tư.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;
- Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả.

MẪU TỜ TRÌNH PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
(Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu)

**[TÊN CƠ QUAN
CHỦ ĐẦU TƯ]**
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH
Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
dự án: [ghi tên dự án]

Kính gửi: [ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013];

Căn cứ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ [ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các tài liệu có liên quan;
- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);
- Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án;
- Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;
- Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư;
- Tên chủ đầu tư;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

II. Phần công việc đã thực hiện

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁴⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]				

Ghi chú:

(1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.

(4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,...).

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị thực hiện [kết chuyển sang Bảng số 5]			

Ghi chú:

(1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

[Chủ đầu tư điền các nội dung cụ thể của gói thầu trong **Bảng số 3** theo hướng dẫn quy định tại Điều 5 Thông tư này].

Bảng số 3

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
....								

Tổng giá gói thầu [kết chuyển sang Bảng số 5]							
--	--	--	--	--	--	--	--

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu:___[giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

b) Giá gói thầu;

c) Nguồn vốn;

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Loại hợp đồng;

g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
...		
n		
Tổng giá trị các phần công việc [kết chuyển sang Bảng số 5]		

VI. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	

4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án		[ghi tổng mức đầu tư của dự án]

VII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [ghi tên chủ đầu tư] đề nghị___[ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án:___[ghi tên dự án].

Kính trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, quyết định./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định;
- Lưu VT.

PHỤ LỤC TỜ TRÌNH

(Kèm theo Tờ trình số.....ngày.....tháng.....năm.....)

BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Quyết định số.....của.....về việc phê duyệt dự án.....	Bản chụp
2	Quyết định số.....của.....về việc phê duyệt dự toán.....	Bản chụp
	Các văn bản phê duyệt tại Bảng số 1	Bản chụp
...		
n		

4. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ; Kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; Tiếp nhận hồ sơ, ghi Giấy biên nhận.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ tiếp nhận cho Lãnh đạo phòng xem xét chuyển chuyên viên thẩm định trong 01 ngày.

- Bước 4: Chuyên viên phụ trách lĩnh vực thực hiện kiểm tra thẩm định trong thời gian 04 ngày.

- Bước 5: Lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở xem xét xử lý trong 02 ngày.

- Bước 6: *Gửi hồ sơ lên Văn phòng UBND thành phố trình Lãnh đạo UBND thành phố xem xét phê duyệt trong vòng 03 ngày.*

- Bước 7: Bộ phận văn thư tiếp nhận, chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và thông báo Chủ đầu tư dự án đến nhận trong vòng 01 ngày.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của Chủ đầu tư;

+ Quyết định phê duyệt Dự án hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật;

+ Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

+ Văn bản cho phép thực hiện theo hình thức lựa chọn nhà thầu hạn chế hoặc chỉ định thầu (nếu có);

+ Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán được duyệt đối với gói thầu xây lắp, hoặc yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn. Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có);

+ Hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu có chữ ký và đóng dấu của Chủ đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 11 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Chủ đầu tư. Trong đó: Thời hạn giải quyết tại Sở Tài chính: 07 ngày; Thời hạn giải quyết tại UBND thành phố: 04 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố Đà Nẵng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Lệ phí: Lệ phí thẩm định hồ sơ mời thầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- *Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*
- *Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*
- *Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*
- *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*
- *Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*
- *Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*
- *Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*
- *Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;*
- *Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.*

MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU

(Mẫu số 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

[TÊN TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ (nếu có)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]

thuộc _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

- Căn cứ² _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội];
- Căn cứ¹ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];
- Căn cứ _____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn thẩm định];
- Căn cứ _____ [Các văn bản có liên quan khác];
- Trên cơ sở tờ trình của _____ [Ghi tên bên mời thầu] về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, dự thảo hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] từ ngày _____ [Ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình] đến ngày _____ [Ghi ngày có báo cáo thẩm định].

Kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án, gói thầu

Khái quát nội dung chính của dự án và gói thầu, cơ sở pháp lý để lập hồ sơ mời thầu.

2. Tổ chức thẩm định

Phần này nêu rõ cách thức làm việc (theo nhóm hoặc cá nhân) của tổ chức thẩm định trong quá trình thẩm định, cách xử lý khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: Bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu³ của các thành viên trong tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.

² Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành

³ Chỉ áp dụng nội dung này khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu

II. TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc lập hồ sơ mời thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án (trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án) - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)		
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)		
3	Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)		
4	- Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán được duyệt đối với gói thầu xây lắp hoặc yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có)		

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
5	Các văn bản pháp lý có liên quan khác (nếu có) _____ [Ghi rõ các văn bản pháp lý có liên quan khác, trong đó có thể là Biên bản trao đổi giữa bên mời thầu với các nhà thầu tham dự thầu trong giai đoạn một khi thẩm định hồ sơ mời thầu giai đoạn hai đối với gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn,...]		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định nhận được.

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, tổ chức thẩm

định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập hồ sơ mời thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có).

2. Nội dung của hồ sơ mời thầu

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu:

Kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu được tổng hợp tại⁴:

- **Bảng số 02A** (áp dụng đối với thẩm định: (1) hồ sơ mời thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ và hai túi hồ sơ; (2) hồ sơ mời thầu giai đoạn hai gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ; (3) hồ sơ mời thầu giai đoạn một gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ);

- **Bảng số 02B** (áp dụng đối với thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu tư vấn);

- **Bảng số 02C** (áp dụng đối với thẩm định hồ sơ mời thầu giai đoạn một gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ);

- **Bảng số 02D** (áp dụng đối với thẩm định hồ sơ mời thầu giai đoạn hai gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ).

Bảng số 02A

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
Phần 1. Thủ tục đấu thầu - Chi dẫn nhà thầu - Bảng dữ liệu đấu thầu - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu - Biểu mẫu dự thầu		
Phần 2. Yêu cầu về xây lắp (đối với gói thầu xây lắp) Yêu cầu về cung cấp (đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa) Yêu cầu về gói thầu (đối với gói thầu hỗn hợp)		
Phần 3. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng - Điều kiện chung của hợp đồng - Điều kiện cụ thể của hợp đồng - Biểu mẫu hợp đồng		

⁴ Trong trường hợp đặc biệt thì tổ chức thẩm định có thể căn cứ nội dung của hồ sơ mời thầu để lập Bảng tổng hợp.

Bảng số 02B

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
Phần thứ nhất. Chỉ dẫn đối với nhà thầu - Yêu cầu về thủ tục đấu thầu - Bảng dữ liệu đấu thầu - Tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu - Biểu mẫu dự thầu		
Phần thứ hai. Mẫu đề xuất về kỹ thuật		
Phần thứ ba. Mẫu đề xuất về tài chính		
Phần thứ tư. Điều khoản tham chiếu		
Phần thứ năm. Yêu cầu về hợp đồng - Điều kiện chung của hợp đồng - Điều kiện cụ thể của hợp đồng - Mẫu hợp đồng		

Bảng số 02C

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
Thông tin tóm tắt về dự án, gói thầu		
Chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu giai đoạn một		
Ý tưởng yêu cầu về phương án kỹ thuật của gói thầu; yêu cầu về phương án tài chính, thương mại		

Bảng số 02D

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
Các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung so với hồ sơ mời thầu giai đoạn một		

Ghi chú:

Cách điền tại **Bảng số 02A, 02B, 02C, 02D**:

- Cột [2]: đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan; phù hợp với dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất và yêu cầu của gói thầu.

- Cột [3]: đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ quy định về pháp luật đấu thầu, pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp với dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất và yêu cầu gói thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu:

Căn cứ tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02A**, hoặc **Bảng số 02B**, hoặc **Bảng số 02C**, hoặc **Bảng số 02D**, tổ chức thẩm định đưa ra những ý kiến thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu căn cứ vào quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan, dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất, yêu cầu của gói thầu và những lưu ý cần thiết khác (nếu có). Trường hợp trong hồ sơ mời thầu đưa ra các quy định theo pháp luật liên quan khác, tổ chức thẩm định cần nhận xét về việc đưa ra các quy định theo pháp luật liên quan đó có là điều kiện làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu hay không. Nếu gây ra hạn chế sự tham gia của nhà thầu thì tổ chức thẩm định đưa ra đề xuất và kiến nghị theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục III.

Đối với nội dung quy định tại tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, tổ chức thẩm định cần nhận xét về sự phù hợp của các tiêu chí đánh giá so với nội dung của gói thầu trên các cơ sở:

- Tài liệu và thông tin nghiên cứu, khảo sát thị trường về khả năng cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan đến gói thầu do tổ chức lập hồ sơ mời thầu hoặc bên mời thầu thực hiện.

- Tính khoa học, logic của các tiêu chí đánh giá hồ sơ dự thầu và phải đảm bảo khách quan, công bằng, minh bạch.

Đối với những nội dung hồ sơ mời thầu được đánh giá là không tuân thủ hoặc không phù hợp hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện thì tổ chức thẩm định thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện tiếp theo để đảm bảo tuân thủ pháp luật về đấu thầu và đảm bảo mục tiêu của đấu thầu là: cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp.

3. Ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu (nếu có)

a) Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu (nếu có).

b) Nội dung thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu nêu trên và những lưu ý cần thiết.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung hồ sơ mời thầu

Trên cơ sở các nhận xét về hồ sơ mời thầu theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định nhận xét chung về dự thảo hồ sơ mời thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất đối với nội dung của hồ sơ mời thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình thẩm định dự thảo hồ sơ mời thầu (nếu có).

2. Kiến nghị

a) Trường hợp dự thảo hồ sơ mời thầu phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì tổ chức thẩm định kiến nghị chủ đầu tư theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở tờ trình của _____ *[Ghi tên bên mời thầu]* về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, dự thảo hồ sơ mời thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ *[Ghi tên tổ chức thẩm định]* kiến nghị _____ *[Ghi tên chủ đầu tư]* phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc _____ *[Ghi tên dự án]*.

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không đồng ý với nội dung của hồ sơ mời thầu thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án để chủ đầu tư xem xét, quyết định.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: _____ *[Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tổ chức thẩm định]*.

[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bên mời thầu;
- Lưu VT.

PHỤ LỤC

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MỜI THẦU

Liệt kê danh mục các tài liệu tổ chức thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định hồ sơ mời thầu.

MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ YÊU CẦU

(Mẫu số 03 Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

[TÊN TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ (nếu có)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]

thuộc _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

- Căn cứ⁵ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội];
- Căn cứ¹ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];
- Căn cứ _____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn thẩm định];
- Căn cứ _____ [Các văn bản có liên quan khác];
- Trên cơ sở tờ trình của _____ [Ghi tên bên mời thầu] về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu, dự thảo hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, _____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] từ ngày _____ [Ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình] đến ngày _____ [Ghi ngày có báo cáo thẩm định].

Kết quả thẩm định hồ sơ yêu cầu gói thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án, gói thầu

Khái quát nội dung chính của dự án và gói thầu, cơ sở pháp lý để lập hồ sơ yêu cầu.

2. Tổ chức thẩm định

Phần này nêu rõ cách thức làm việc (theo nhóm hoặc cá nhân) của tổ chức thẩm định trong quá trình thẩm định, cách xử lý khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: Bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu⁶ của các thành viên trong tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.

II. TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc lập hồ sơ yêu cầu được tổng hợp theo Bảng số 01 dưới đây:

⁵ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành

⁶ Chỉ áp dụng nội dung này khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)		
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)		
3	Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)		
4	- Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán được duyệt đối với gói thầu xây lắp hoặc yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có)		
5	Các văn bản pháp lý có liên quan khác (nếu có)		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định nhận được.

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập hồ sơ yêu cầu và những lưu ý cần thiết (nếu có).

2. Nội dung của hồ sơ yêu cầu

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ yêu cầu:

Kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ yêu cầu được tổng hợp tại Bảng số 02 dưới đây:

Bảng số 02

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
Chỉ dẫn đối với nhà thầu		
Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất		
Biểu mẫu		

Điều khoản tham chiếu (đối với gói thầu tư vấn)		
Yêu cầu đối với gói thầu (đối với gói thầu xây lắp, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, hỗn hợp)		
Yêu cầu về hợp đồng		

Ghi chú:

- Cột [2]: đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan; phù hợp với dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất và yêu cầu của gói thầu.
- Cột [3]: đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ quy định về pháp luật đấu thầu, pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp với dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất và yêu cầu gói thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung hồ sơ yêu cầu:

Căn cứ tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, tổ chức thẩm định đưa ra những ý kiến thẩm định về nội dung hồ sơ yêu cầu căn cứ vào quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan, dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất, yêu cầu của gói thầu và những lưu ý cần thiết khác (nếu có). Trường hợp trong hồ sơ yêu cầu đưa ra các quy định theo pháp luật liên quan khác, tổ chức thẩm định cần nhận xét về việc đưa ra các quy định theo pháp luật liên quan đó có là điều kiện làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu hay không. Nếu gây ra hạn chế sự tham gia của nhà thầu thì tổ chức thẩm định đưa ra đề xuất và kiến nghị theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục III.

Đối với nội dung quy định tại tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất, tổ chức thẩm định cần nhận xét về sự phù hợp của các tiêu chí đánh giá so với nội dung của gói thầu trên các cơ sở:

- Tài liệu và thông tin nghiên cứu, khảo sát thị trường về khả năng cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan đến gói thầu do tổ chức lập hồ sơ yêu cầu hoặc bên mời thầu thực hiện;
- Tính khoa học, logic của các tiêu chí đánh giá hồ sơ đề xuất và phải đảm bảo khách quan, công bằng, minh bạch.

Đối với những nội dung hồ sơ yêu cầu được đánh giá là không tuân thủ hoặc không phù hợp hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện thì tổ chức thẩm định thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện tiếp theo để đảm bảo tuân thủ pháp luật về đấu thầu và đảm bảo mục tiêu của đấu thầu là: cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp.

3. Ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ yêu cầu

a) Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ yêu cầu (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ yêu cầu (nếu có).

b) Nội dung thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ yêu cầu (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu nêu trên và những lưu ý cần thiết.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung hồ sơ yêu cầu

Trên cơ sở các nhận xét về hồ sơ yêu cầu theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định nhận xét chung về dự thảo hồ sơ yêu cầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất đối với nội dung của hồ sơ yêu cầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình thẩm định dự thảo hồ sơ yêu cầu (nếu có).

2. Kiến nghị

a) Trường hợp dự thảo hồ sơ yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì tổ chức thẩm định kiến nghị chủ đầu tư theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở tờ trình của _____ *[Ghi tên bên mời thầu]* về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu, dự thảo hồ sơ yêu cầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ *[Ghi tên tổ chức thẩm định]* kiến nghị _____ *[Ghi tên chủ đầu tư]* phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc _____ *[Ghi tên dự án]*.

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không đồng ý với nội dung của hồ sơ yêu cầu thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án để chủ đầu tư xem xét, quyết định.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: _____ *[Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tổ thẩm định]*.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bên mời thầu;
- Lưu VT.

[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

PHỤ LỤC

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH HỒ SƠ YÊU CẦU

Liệt kê danh mục các tài liệu tổ chức thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định hồ sơ yêu cầu.

5. Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các dự án do UBND thành phố làm chủ đầu tư

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.
- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ; Kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; Tiếp nhận hồ sơ, ghi Giấy biên nhận.
- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ tiếp nhận cho Lãnh đạo phòng xem xét chuyển chuyên viên thẩm định trong 01 ngày.
- Bước 4: Chuyên viên phụ trách lĩnh vực thực hiện kiểm tra thẩm định trong vòng 04 ngày đối với gói thầu quy mô nhỏ và 05 ngày đối với các gói thầu còn lại.
- Bước 5: Lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở xem xét xử lý trong 01 ngày.
- Bước 6: Gửi hồ sơ lên Văn phòng UBND thành phố trình Lãnh đạo UBND thành phố xem xét phê duyệt trong vòng 03 ngày đối với gói thầu quy mô nhỏ và 05 ngày đối với các gói thầu còn lại.
- Bước 7: Bộ phận văn thư tiếp nhận, chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và thông báo Chủ đầu tư dự án đến nhận trong vòng 01 ngày.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu của Chủ đầu tư;
 - + Quyết định phê duyệt Dự án hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật;
 - + Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu;
 - + Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu điều chỉnh (nếu có);
 - + Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán được duyệt đối với gói thầu xây lắp, hoặc yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn. Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có);
 - + Quyết định phê duyệt danh sách ngắn (nếu có);
 - + Quyết định thành lập tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu kèm theo Chứng chỉ tham gia khóa học về lựa chọn nhà thầu của các thành viên;

- + Biên bản mở thầu;
- + Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất;
- + Phê duyệt xếp hạng nhà thầu(*);

(*) *Tại Mẫu số 05 - Mẫu báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ (ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư), Văn bản Phê duyệt xếp hạng nhà thầu là một trong các căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo Bảng số 01 thuộc Điều 1 Mục II. Việc phê duyệt xếp hạng nhà thầu không áp dụng đối với các hình thức chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh và mua sắm trực tiếp.*

- + Biên bản thương thảo hợp đồng;
- + Thông báo mời thầu và các văn bản khác có liên quan;
- + Hồ sơ dự thầu của các nhà thầu.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với gói thầu có quy mô nhỏ: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Chủ đầu tư (Trong đó: Thời hạn giải quyết tại Sở Tài chính: 06 ngày, tại UBND thành phố: 04 ngày).

- Đối với các gói thầu còn lại: 13 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Chủ đầu tư (Trong đó: Thời hạn giải quyết tại Sở Tài chính: 07 ngày, tại UBND thành phố: 06 ngày).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố Đà Nẵng
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Lệ phí: Lệ phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu kể cả trường hợp không lựa chọn được nhà thầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu.
- Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;
- Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- *Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*
- *Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*
- *Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*
- *Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;*
- *Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.*

MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu....
[ghi tên gói thầu trong KHLCNT được duyệt]

Kính gửi: [ghi tên Chủ đầu tư]

1. Căn cứ pháp lý

Bên mời thầu nêu các căn cứ pháp lý như sau:

- Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng;
- Biên bản thương thảo hợp đồng.

2. Quá trình thương thảo hợp đồng

a) Bên mời thầu mô tả quá trình thương thảo, tóm tắt các nội dung thương thảo hợp đồng:

- Ngày tháng tiến hành thương thảo;
- Các vấn đề trong quá trình thương thảo.

b) Lưu ý đối với Chủ đầu tư trong quá trình hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

3. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đánh giá HSDT và thương thảo với nhà thầu [ghi tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu], [ghi tên Bên mời thầu] kiến nghị [ghi tên Chủ đầu tư] phê duyệt Chủ đầu tư]] kiến nghị ủng hộ thầu]th..... [ghi tên gói thầu]] kiến n với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu;
- Giá đề nghị trúng thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Danh sách nhà thầu phụ (nếu có);
- Các thông tin khác;
- Tài liệu gửi kèm theo: báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia, biên bản thương thảo hợp đồng, tờ trình, quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu và các tài liệu khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định (để thẩm định);
- Lưu: VT,...

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**
(ký tên, đóng dấu (nếu có))

**MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU ĐỐI VỚI GÓI
THẦU ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ**
(Mẫu số 05 Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2015
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

[TÊN TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ (nếu có)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

- Căn cứ⁷ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội];
 - Căn cứ¹ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];
 - Căn cứ _____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn];
 - Căn cứ _____ [Các văn bản có liên quan khác];
 - Căn cứ văn bản trình duyệt số _____ [Ghi số hiệu văn bản trình duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] ngày _____ [Ghi thời gian văn bản trình duyệt] của _____ [Ghi tên bên mời thầu] về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu nói trên và các tài liệu liên quan;
- _____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] từ ngày _____ [Ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình] đến ngày _____ [Ghi ngày có báo cáo thẩm định].

Nội dung thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án, gói thầu

Khái quát nội dung chính của dự án và gói thầu, các cơ sở pháp lý của việc lựa chọn nhà thầu

2. Tóm tắt quá trình lựa chọn nhà thầu

Phần này nêu tóm tắt toàn bộ quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu từ khi có thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu/thông báo mời chào hàng đến khi trình thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và tóm tắt đề xuất, kiến nghị của bên mời thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Tổ chức thẩm định

Phần này nêu rõ cách thức làm việc (theo nhóm hoặc cá nhân) của tổ chức thẩm định trong quá trình

⁷ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

thẩm định, cách xử lý khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu⁸ của các thành viên trong tổ thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)		
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)		
3	Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)		
4	Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (nếu có) đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi		
5	- Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán được duyệt đối với gói thầu xây lắp, hoặc yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn - Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có)		
6	Quyết định phê duyệt danh sách ngắn (nếu có)		
7	- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu - Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu điều chỉnh (nếu có)		
8	Quyết định thành lập tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất ⁹		
9	Báo cáo đánh giá do tổ chuyên gia thực hiện		

⁸ Chỉ áp dụng nội dung này khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.

⁹ Đối với nội dung này tổ chức thẩm định phải kiểm tra việc các thành viên tổ chuyên gia có đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu và Điều 116 Nghị định 63/2014/NĐ-CP hay không.

10	Phê duyệt xếp hạng nhà thầu ¹⁰		
11	Biên bản thương thảo hợp đồng		
12	Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các văn bản về xử lý tình huống (nếu có)		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định nhận được;
- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý và những lưu ý cần thiết.

2. Quá trình tổ chức thực hiện

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các nội dung dưới đây:

2.1. Thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu

Kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02** dưới đây:

Bảng số 02

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]
1	Thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu/thông báo chào hàng	[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu/thông báo chào hàng đến ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu]		
2	Phát hành hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu	[Ghi thời gian thực tế phát hành hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu]		
3	Ngày có thời điểm đóng thầu	[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu]		
4	Mở thầu	[Ghi thời gian trong biên bản mở thầu]		
5	Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất	[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu]		
6	Thời gian gửi văn bản sửa đổi	[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày phát hành văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu/hồ sơ]		

¹⁰ Không áp dụng đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp.

	hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu đến các nhà thầu (nếu có)	yêu cầu cuối cùng đến ngày có thời điểm đóng thầu]		
7	Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất	[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mời thầu trình duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt các nội dung liên quan]		

Ghi chú:

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Cột [4] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết.

2.2. Đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 03** dưới đây:

Bảng số 03

STT	Nội dung kiểm tra	Phương tiện đăng tải	Số báo/Ngày đăng tải	Kết quả thẩm định	
				Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu				
2	Thông báo mời thầu/Đăng tải danh sách ngắn				
3	Thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)				

Ghi chú:

- Cột [4] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về việc đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Cột [5] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 03**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết.

2.3. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng:

Kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng được tổng hợp tại **Bảng số 04** dưới đây:

Bảng số 04

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]
1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất		
2	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất theo các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm; kỹ thuật được quy định tại hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu		
3	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất theo các tiêu chuẩn đánh giá về tài chính được quy định tại hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu		
4	Nội dung thương thảo hợp đồng		

Ghi chú:

- Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, tổ chức thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét về việc nhà thầu cập nhật lại năng lực, kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển (nếu có) đã được đánh giá.

- Trường hợp hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất có sai sót không nghiêm trọng được tổ chuyên gia, bên mời thầu chấp nhận thì tổ chức thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét về sai sót đó có đúng là sai sót không nghiêm trọng không, hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất có đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu không. Nếu việc chấp nhận sai sót không nghiêm trọng của tổ chuyên gia/bên mời thầu là phù hợp thì tổ thẩm định nhận xét về việc bên mời thầu yêu cầu nhà thầu cung cấp thông tin và tài liệu để khắc phục sai sót có đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu không. Nếu việc chấp nhận sai sót không nghiêm trọng của tổ chuyên gia, bên mời thầu là không phù hợp thì tổ chức thẩm định đánh dấu “X” vào ô tương ứng.

- Cột [2] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu được duyệt.

- Cột [3] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu, tiêu chuẩn đánh giá được duyệt. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định trong hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 04**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng và những lưu ý cần thiết.

III. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA (NẾU CÓ)

1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có).

2. Ý kiến thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia.

IV. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA BÊN MỜI THẦU VỚI TỔ CHUYÊN GIA (NẾU CÓ)

1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có).

2. Ý kiến thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của bên mời thầu với tổ chuyên gia.

V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Ý kiến thẩm định đối với gói thầu được tổng hợp tại **Bảng số 05** dưới đây:

Bảng số 05

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thống nhất	Không thống nhất
	[1]	[2]	[3]
1	Căn cứ pháp lý		
2	Quá trình tổ chức thực hiện		
2.1	Thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu		
2.2	Đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu		
3	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng		
3.1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất		
3.2	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất theo các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm; kỹ thuật được quy định tại hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu		
3.3	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất theo các tiêu chuẩn đánh giá về tài chính được quy định tại hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu		

3.4	Danh sách xếp hạng nhà thầu		
3.5	Nội dung thương thảo hợp đồng		
4	Kết quả lựa chọn nhà thầu		
4.1	Nhà thầu được đề nghị trúng thầu		
4.2.	Giá đề nghị trúng thầu		
STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thống nhất	Không thống nhất
5	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu		
6	Nội dung khác (nếu có)		

Ghi chú:

Trường hợp tổ chức thẩm định thống nhất với nội dung tại cột [1] thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [2]; trường hợp không thống nhất thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [3].

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

Trên cơ sở các nhận xét theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung như sau:

- Về cơ sở pháp lý, việc tuân thủ quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan;
- Về kết quả đạt được: nhà thầu được đề nghị trúng thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng các tiêu chí đánh giá, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu;
- Về tính cạnh tranh, công bằng: trong quá trình tổ chức đấu thầu, việc yêu cầu nhà thầu bổ sung, làm rõ có bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng giữa các nhà thầu không;
- Về tính minh bạch, công khai trong việc đăng tải thông tin, mở thầu;
- Về tính hiệu quả kinh tế của gói thầu: giá trị tiết kiệm so với dự toán gói thầu được duyệt hoặc so với tổng mức đầu tư, dự toán trong quyết định phê duyệt dự án, dự toán;
- Ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất về kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Ngoài ra, tại phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có).

2. Kiến nghị

a) Trường hợp lựa chọn được nhà thầu được đề nghị trúng thầu, tổ chức thẩm định kiến nghị chủ đầu tư phê duyệt theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở đề nghị của bên mời thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] kiến nghị _____ [Ghi tên chủ đầu tư] phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] theo các nội dung sau:

- Tên nhà thầu: _____ [*Ghi tên đầy đủ, quốc tịch (trong trường hợp đấu thầu quốc tế) của nhà thầu được đề nghị trúng thầu*];
- Giá đề nghị trúng thầu: _____ [*Ghi rõ cơ cấu loại tiền, số tiền bằng chữ và bằng số, có bao gồm thuế hay không...*];
- Loại hợp đồng: _____ [*Ghi rõ loại hợp đồng theo hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu*];
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không thống nhất với đề nghị của bên mời thầu hoặc chưa có đủ cơ sở kết luận về kết quả lựa chọn nhà thầu (bao gồm cả trường hợp không lựa chọn được nhà thầu được đề nghị trúng thầu) thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án để chủ đầu tư xem xét, quyết định.

c) Các ý kiến khác (nếu có).

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: _____ [*Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tổ thẩm định*].

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bên mời thầu;
- Lưu VT.

**[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

PHỤ LỤC

**DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ
LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

Liệt kê danh mục các tài liệu tổ chức thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT, KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ

(Mẫu số 06 Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

[TÊN TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ (nếu có) _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH _____

[GHI KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT/KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU]

Gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]

thuộc _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

- Căn cứ¹¹ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội];
- Căn cứ¹ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];
- Căn cứ _____ [Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn];
- Căn cứ _____ [Các văn bản có liên quan khác];
- Căn cứ văn bản trình duyệt số _____ [Ghi số hiệu văn bản trình duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/ kết quả lựa chọn nhà thầu] ngày _____ [Ghi thời gian văn bản trình duyệt] của _____ [Ghi tên bên mời thầu] về _____ [Ghi kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu] gói thầu nói trên và các tài liệu liên quan;
 _____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định _____ [Ghi kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu] gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] từ ngày _____ [Ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình] đến ngày _____ [Ghi ngày có báo cáo thẩm định].

Kết quả thẩm định _____ [Ghi kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu] gói thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án, gói thầu

Khái quát nội dung chính của dự án và gói thầu, các cơ sở pháp lý của việc lựa chọn nhà thầu.

¹¹ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

2. Tóm tắt quá trình lựa chọn nhà thầu

Phần này nêu tóm tắt toàn bộ quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu từ khi có thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu đến khi trình thẩm định, phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu và tóm tắt đề xuất, kiến nghị của bên mời thầu về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Tổ chức thẩm định

Phần này nêu rõ cách thức làm việc (theo nhóm hoặc cá nhân) của tổ chức thẩm định trong quá trình thẩm định, cách xử lý khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: bản chụp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu¹² của các thành viên trong tổ thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

Bảng số 01

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
I. Đối với thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật			
1	- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có)		
2	- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, - Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có)		
STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
3	Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)		
4	Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (nếu có) đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi		
5	- Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán được duyệt đối với gói thầu xây lắp hoặc yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham		

¹² Chỉ áp dụng nội dung này khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.

	chiếu đối với gói thầu tư vấn		
	- Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có)		
6	Quyết định phê duyệt danh sách ngân (nếu có)		
7	- Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu - Quyết định phê duyệt điều chỉnh (nếu có)		
8	Quyết định thành lập tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu ¹³		
9	Báo cáo đánh giá do tổ chuyên gia thực hiện		
10	Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các văn bản về xử lý tình huống (nếu có)		
II. Đối với thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu			
1	Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật		
2	Báo cáo đánh giá do tổ chuyên gia thực hiện		
3	Phê duyệt xếp hạng nhà thầu		
4	Biên bản thương thảo hợp đồng		
5	Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các văn bản về xử lý tình huống (nếu có)		

Ghi chú:

- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định nhận được;

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý và những lưu ý cần thiết.

2. Quá trình tổ chức thực hiện

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về quá trình tổ chức thực hiện theo các nội dung dưới đây:

2.1. Thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02** dưới đây:

Bảng số 02

STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ

¹³ Đối với nội dung này tổ chức thẩm định phải kiểm tra việc các thành viên tổ chuyên gia có đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu và Điều 116 Nghị định 63/2014/NĐ-CP hay không.

	[1]	[2]	[3]	[4]
I. Đối với thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật				
1	Thông báo mời thầu	[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu đến ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu]		
2	Phát hành hồ sơ mời thầu	[Ghi thời gian thực tế phát hành hồ sơ mời thầu]		
3	Ngày có thời điểm đóng thầu	[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo biên bản đóng thầu]		
4	Mở thầu	[Ghi thời gian trong biên bản mở thầu]		
STT	Nội dung kiểm tra	Thời gian thực tế thực hiện	Kết quả thẩm định	
			Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]
5	Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu	[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu]		
6	Thời gian gửi văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu đến các nhà thầu (nếu có)	[Ghi tổng số ngày thực tế kể từ ngày phát hành văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu cuối cùng đến ngày có thời điểm đóng thầu]		
II. Đối với thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu				
	Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu	[Ghi tổng thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính theo thực tế: - Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được tính từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mời thầu trình duyệt kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật - Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính được tính từ ngày mở hồ sơ đề xuất về tài chính đến ngày bên mời thầu trình duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]		

Ghi chú:

- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Cột [4] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa

chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết.

2.2. Đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 03** dưới đây:

Bảng số 03

STT	Nội dung kiểm tra	Phương tiện đăng tải	Số báo/Ngày đăng tải	Kết quả thẩm định	
				Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu				
2	Thông báo mời thầu				
3	Thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có)				

Ghi chú:

- Cột [4] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về việc đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Cột [5] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến thẩm định về đăng tải thông tin:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả kiểm tra được tổng hợp tại **Bảng số 03**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết.

2.3. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng:

Kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng được tổng hợp tại **Bảng số 04** dưới đây:

Bảng số 04

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ	Không tuân thủ
	[1]	[2]	[3]

I. Đối với thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật			
1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật		
2	Nội dung đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định tại hồ sơ mời thầu		
II. Đối với thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu			
1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính		
2	Nội dung đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính theo các tiêu chuẩn đánh giá về tài chính được quy định tại hồ sơ mời thầu		
3	Nội dung thương thảo hợp đồng		

Ghi chú:

- Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển hoặc mời quan tâm, tổ chức thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét về việc nhà thầu cập nhật lại thông tin về năng lực, kinh nghiệm so với thông tin đăng kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển/hồ sơ quan tâm (nếu có) đã được đánh giá.

- Trường hợp hồ sơ dự thầu có sai sót không nghiêm trọng được tổ chức chuyên gia, bên mời thầu chấp nhận thì tổ chức thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét về sai sót đó có đúng là sai sót không nghiêm trọng không, hồ sơ dự thầu có đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu không. Nếu việc chấp nhận sai sót không nghiêm trọng của tổ chức chuyên gia, bên mời thầu là phù hợp thì tổ chức thẩm định nhận xét về việc bên mời thầu yêu cầu nhà thầu cung cấp thông tin và tài liệu để khắc phục sai sót đó có đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu không. Nếu việc chấp nhận sai sót không nghiêm trọng của tổ chức chuyên gia, bên mời thầu là không phù hợp thì tổ chức thẩm định đánh dấu “X” vào ô tương ứng.

- Cột [2] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu cần được duyệt.

- Cột [3] đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá được duyệt. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định trong hồ sơ mời thầu.

b) Ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 04**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng và những lưu ý cần thiết.

III. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA (NẾU CÓ)

1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có).

2. Ý kiến thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có):

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia.

IV. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU GIỮA BÊN MỜI THẦU VỚI TỔ CHUYÊN GIA

(NẾU CÓ)**1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có):**

Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia (nếu có).

2. Ý kiến thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia:

Phần này đưa ra nhận xét của tổ chức thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu giữa bên mời thầu với tổ chuyên gia.

V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Ý kiến thẩm định đối với gói thầu được tổng hợp tại **Bảng số 06** dưới đây:

Bảng số 06

STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thống nhất	Không thống nhất
	[1]	[2]	[3]
1	Căn cứ pháp lý		
2	Quá trình tổ chức thực hiện		
2.1	Thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu		
2.2	Đăng tải thông tin trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu		
3	Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng		
Đối với thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật			
3.1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật		
3.2	Nội dung đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định tại hồ sơ mời thầu		
Đối với thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu			
3.1	Nội dung đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính		
3.2	Nội dung đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính theo các tiêu chuẩn đánh giá về giá/ tài chính được quy định tại hồ sơ mời thầu		
3.3	Danh sách xếp hạng nhà thầu		
3.4	Nội dung thương thảo hợp đồng		
4	Kết quả lựa chọn nhà thầu		
4.1	Nhà thầu được đề nghị trúng thầu		
4.2	Giá đề nghị trúng thầu		
STT	Nội dung kiểm tra	Ý kiến thẩm định	
		Thống nhất	Không thống nhất
	[1]	[2]	[3]

5	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu		
6	Nội dung khác (nếu có)		

Ghi chú:

Trường hợp tổ chức thẩm định thống nhất với nội dung tại cột [1] thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [2]; trường hợp không thống nhất thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [3].

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

Trên cơ sở các nhận xét theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung như sau:

- Về cơ sở pháp lý, việc tuân thủ quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan;
- Về kết quả đạt được: nhà thầu được đề nghị trúng thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng các tiêu chí đánh giá, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu¹⁴;
- Về tính cạnh tranh, công bằng: trong quá trình tổ chức đấu thầu, việc yêu cầu nhà thầu bổ sung, làm rõ có bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng giữa các nhà thầu không;
- Về tính minh bạch, công khai trong việc đăng tải thông tin, mở thầu;
- Về tính hiệu quả kinh tế của gói thầu: giá trị tiết kiệm so với dự toán gói thầu được duyệt hoặc so với tổng mức đầu tư, dự toán trong quyết định phê duyệt dự án, dự toán¹⁵;
- Ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Ngoài ra, tại phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có).

2. Kiến nghị

a) Đối với thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, trường hợp lựa chọn được danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, tổ chức thẩm định kiến nghị chủ đầu tư phê duyệt theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở đề nghị của bên mời thầu về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ [Ghi tên tổ chức thẩm định] kiến nghị _____ [Ghi tên chủ đầu tư] phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án] theo các nội dung sau:

STT	Tên nhà thầu	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Xếp hạng (nếu có)
1	[Ghi tên đầy đủ, quốc tịch (trong trường hợp đấu thầu quốc tế) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật]		

¹⁴ Đối với thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật không phải nêu nhận xét về nội dung này.

2			
...			
n			

Đối với thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, trường hợp lựa chọn được nhà thầu được đề nghị trúng thầu, tổ chức thẩm định kiến nghị chủ đầu tư phê duyệt theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở đề nghị của bên mời thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ *[Ghi tên tổ chức thẩm định]* kiến nghị _____ *[Ghi tên chủ đầu tư]* phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc _____ *[Ghi tên dự án]* theo các nội dung sau:

- Tên nhà thầu: _____ *[Ghi tên đầy đủ, quốc tịch (trong trường hợp đấu thầu quốc tế) của nhà thầu được đề nghị trúng thầu];*
- Giá đề nghị trúng thầu: _____ *[ghi rõ cơ cấu loại tiền, số tiền bằng chữ và bằng số, có bao gồm thuế hay không...];*
- Loại hợp đồng: _____ *[Ghi rõ loại hợp đồng theo hồ sơ mời thầu];*
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không thống nhất với đề nghị của bên mời thầu hoặc chưa có đủ cơ sở kết luận về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu (bao gồm cả trường hợp không lựa chọn được nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật, nhà thầu được đề nghị trúng thầu) thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án để chủ đầu tư xem xét, quyết định.

c) Các ý kiến khác (nếu có).

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: _____ *[Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tổ thẩm định].*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bên mời thầu;
- Lưu VT.

**[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

PHỤ LỤC

**DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT/KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

Liệt kê danh mục các tài liệu tổ chức thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu.

6. Thủ tục: Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án nhóm B, C vốn ngân sách thành phố (Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ; Kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần và chưa hợp lệ; Tiếp nhận hồ sơ, ghi Giấy biên nhận.

- Bước 3: Trong vòng 01 ngày, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ tiếp nhận cho Lãnh đạo phòng xem xét; chuyển chuyên viên phụ trách thẩm định.

- Bước 4: Chuyên viên phụ trách thẩm định kiểm tra hồ sơ và có Công văn gửi Sở Tài chính tham gia có ý kiến về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn và gửi các Sở, ngành liên quan tham gia có ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án. Thời gian tham gia ý kiến của các đơn vị là 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Bước 5: Trong vòng 16 ngày, Chuyên viên phụ trách thẩm định thực hiện thẩm định và tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị liên quan, dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định (nếu dự án đủ điều kiện) hoặc dự thảo văn bản phản hồi về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (nếu dự án chưa đủ điều kiện).

- Bước 6: Lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở xem xét xử lý trong vòng 02 ngày.

- Bước 7: Bộ phận văn thư tiếp nhận, chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và thông báo cho Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư đến nhận trong vòng 01 ngày.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án.

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có chữ ký, đóng dấu của Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư; Bản vẽ Thiết kế sơ bộ kèm theo.

- Báo cáo thẩm định nội bộ.

- Văn bản đồng ý chủ trương đầu tư hoặc dự án thuộc danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quyết định kèm theo bản vẽ quy hoạch Tổng mặt bằng được duyệt (đối với các dự án xây dựng tại địa điểm mới hoặc dự án mở rộng có yêu cầu phê duyệt Tổng mặt bằng quy hoạch xây dựng).

- Văn bản xác định giá trị bồi thường giải phóng mặt bằng có xác nhận của chủ đầu tư và UBND quận, huyện tại khu vực thực hiện dự án (đối với các dự án có bồi thường giải phóng mặt bằng) (nếu có).

- Các văn bản khác có liên quan (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ. Tùy thuộc vào danh sách các đơn vị có liên quan được đề nghị tham gia ý kiến, Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư có trách nhiệm phối hợp cung cấp đầy đủ các hồ sơ kèm theo.

e) Thời hạn giải quyết: *Thời hạn thẩm định (kể cả dự án nhóm B và dự án nhóm C): 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Chủ đầu tư. Trường hợp dự án cần kiểm tra thực tế thì thời gian kéo dài thêm 03 ngày.*

f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, ngành liên quan khác.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp dự án đủ điều kiện: Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án.

- Trường hợp dự án chưa đủ điều kiện: Văn bản phản hồi của Sở Tài chính về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

i) Lệ phí: Không có.

k) Tên mẫu đơn, tờ khai: Tờ trình đề nghị thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư (Theo mẫu số 5 Phụ lục II - Nghị định số 40/2020/NĐ-CP).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Các đối tượng, dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

- *Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

- Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn

xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng

- Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

- Nghị quyết 288/2020/NQ-HĐND ngày 13/3/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giao thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm C;

- *Quyết định số Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.*

7. Thủ tục: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án nhóm A do thành phố quản lý (Sở Tài chính là cơ quan Thường trực Hội đồng thẩm định)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án của cấp có thẩm quyền, Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ; Kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần và chưa hợp lệ; Tiếp nhận hồ sơ, ghi Giấy biên nhận.

- Bước 3: Trong vòng 01 ngày, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ tiếp nhận cho Lãnh đạo phòng xem xét; chuyển Chuyên viên phụ trách thẩm định.

- Bước 4: Chuyên viên phụ trách thẩm định kiểm tra hồ sơ và có Công văn gửi các thành viên Hội đồng thẩm định (đề xuất tổ chức họp nếu cần thiết) để tham gia thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án. Thời gian tham gia ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng là 22 ngày.

- Bước 5: Trong vòng 19 ngày, Chuyên viên phụ trách thẩm định thực hiện thẩm định và tổng hợp ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định, dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định trình chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét quyết định (nếu dự án đủ điều kiện) hoặc có văn bản phản hồi về Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

- Bước 6: Lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở xem xét xử lý trong vòng 02 ngày.

- Bước 7: Trong vòng 01 ngày, bộ phận văn thư tiếp nhận, chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và thông báo cho Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư đến nhận.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án.

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án có chữ ký, đóng dấu của Cơ quan được giao thực hiện chuẩn bị đầu tư; Bản vẽ Thiết kế sơ bộ kèm theo.

- Báo cáo thẩm định nội bộ.

- Văn bản đồng ý chủ trương đầu tư hoặc kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

- Quyết định kèm theo bản vẽ quy hoạch Tổng mặt bằng được duyệt (đối với các dự án xây dựng tại địa điểm mới hoặc dự án mở rộng có yêu cầu phê duyệt Tổng mặt bằng quy hoạch xây dựng).

- Văn bản xác định giá trị bồi thường giải phóng mặt bằng có xác nhận của chủ đầu tư và UBND cấp xã tại khu vực thực hiện dự án (đối với các dự án có bồi thường giải phóng mặt bằng) (nếu có).

- Các văn bản khác có liên quan (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ. Tùy thuộc vào danh sách các thành viên Hội đồng thẩm định tham gia thẩm định, Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư có trách nhiệm phối hợp cung cấp đầy đủ các hồ sơ kèm theo.

e) Thời hạn giải quyết: Thời hạn thẩm định: 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án.

f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, ngành liên quan khác.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp dự án đủ điều kiện: Tờ trình gửi Chủ tịch Hội đồng thẩm định kèm theo dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án.

- Trường hợp dự án chưa đủ điều kiện: Văn bản phản hồi của Sở Tài chính về Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

i) Lệ phí: Không có.

k) Tên mẫu đơn, tờ khai: Tờ trình đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư (Theo mẫu số 5 Phụ lục II - Nghị định số 40/2020/NĐ-CP).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Các đối tượng, dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- *Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

- Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng

- Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

- *Quyết định số Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.*

MẪU TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH NGUỒN VỐN VÀ KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI VỐN**TÊN CƠ QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH**Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án.....**

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Dự án nhóm:
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:
4. Cấp quyết định đầu tư dự án:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có):
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn).
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:
9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:
10. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):
11. Hình thức đầu tư của dự án:
12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Kèm theo đầy đủ các hồ sơ theo quy định tại mục c.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) xem xét, thẩm định Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

8. Thủ tục: Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án PPP có phần nhà nước tham gia (Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ; Kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần và chưa hợp lệ; Tiếp nhận hồ sơ, ghi Giấy biên nhận.

- Bước 3: Trong vòng 01 ngày, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ tiếp nhận cho Lãnh đạo phòng xem xét; chuyển chuyên viên phụ trách thẩm định.

- Bước 4: Chuyên viên phụ trách thẩm định kiểm tra hồ sơ và có Công văn gửi Sở Tài chính tham gia có ý kiến về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Thời gian tham gia ý kiến của Sở Tài chính là 04 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Tài chính.

- Bước 5: Chuyên viên phụ trách thẩm định thực hiện thẩm định và tổng hợp ý kiến tham gia của Sở Tài chính trong thời gian 12 ngày đối với dự án nhóm A, 04 ngày đối với dự án nhóm B, C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thẩm định (đã bao gồm thời gian tham gia ý kiến thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Sở Tài chính).

- Bước 6: Lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở xem xét xử lý trong vòng 02 ngày.

- Bước 7: Bộ phận văn thư tiếp nhận, chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và thông báo cho Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư đến nhận trong vòng 01 ngày.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án.

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A, nhóm B, Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm C theo quy định của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 có chữ ký, đóng dấu của đại diện Cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Bản vẽ Thiết kế sơ bộ kèm theo.

- Báo cáo thẩm định nội bộ của đại diện Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Văn bản đồng ý chủ trương đầu tư hoặc dự án thuộc danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quyết định kèm theo bản vẽ quy hoạch Tổng mặt bằng được duyệt (đối với các dự án xây dựng tại địa điểm mới hoặc dự án mở rộng có yêu cầu phê duyệt Tổng mặt bằng quy hoạch xây dựng).

- Văn bản xác định giá trị bồi thường giải phóng mặt bằng có xác nhận của chủ đầu tư và UBND cấp xã tại khu vực thực hiện dự án (đối với các dự án có bồi thường giải phóng mặt bằng) (nếu có).

- Các văn bản khác có liên quan (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ). Tùy thuộc vào danh sách các đơn vị có liên quan được đề nghị tham gia ý kiến, Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư có trách nhiệm phối hợp cung cấp đầy đủ các hồ sơ kèm theo.

e) Thời hạn giải quyết: Dự án nhóm A: 16 ngày. Dự án nhóm B và dự án nhóm C: 08 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của đại diện Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

f) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, ngành liên quan khác.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp dự án đủ điều kiện: Báo cáo kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án.

- Trường hợp dự án chưa đủ điều kiện: Văn bản phản hồi của Sở Tài chính về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án.

i) Lệ phí: Không có.

k) Tên mẫu đơn, tờ khai: Tờ trình đề nghị thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của chủ đầu tư, cơ quan điều hành dự án theo phụ lục đính kèm.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Các đối tượng, dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

- *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

- *Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;*

- Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

- Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- *Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020;

- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

MẪU TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH NGUỒN VỐN VÀ KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI VỐN**TÊN CƠ QUAN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH**Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án.....**

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Dự án nhóm:
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:
4. Cấp quyết định đầu tư dự án:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có):
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn).
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:
9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:
10. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):
11. Hình thức đầu tư của dự án:
12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Kèm theo đây đủ các hồ sơ theo quy định tại mục c.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) xem xét, thẩm định Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

I. Lĩnh vực Tài chính - Ngân sách

1. Thủ tục: Xét duyệt thanh toán chi phí xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo thủ tục hành chính. (Mã số 1.008871)

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Các đơn vị có văn bản đề nghị Sở Tài chính thanh quyết toán chi phí chống buôn lậu, chi phí xử lý hàng tịch thu, chi phí phục vụ thu xử phạt vi phạm hành chính kèm theo chứng từ chi phí có liên quan (bản gốc).

- Bước 2: Trên cơ sở các văn bản quy định của Chính phủ và của Bộ Tài chính, Sở Tài chính thực hiện kiểm tra chứng từ có liên quan. Sau đó ban hành quyết định, lập Ủy nhiệm chi để trích kinh phí từ tài khoản tạm giữ thanh toán cho đơn vị.

b) Cách thức thực hiện: Đơn vị gửi hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn> hoặc Trang thông tin điện tử Sở Tài chính tại địa chỉ <http://www.taichinh.danang.gov.vn>, hoặc qua Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Sở hoặc tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị chủ trì xử lý tài sản (bản chính) trong đó nêu cụ thể: số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, số tiền đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính, số tài khoản của cơ quan, đơn vị để tiếp nhận tiền thanh toán chi phí;

- Bảng tổng hợp các chi phí đề nghị được cấp và toàn bộ các chứng từ chi phí liên quan (bản chính);

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật vi phạm, hợp đồng, hóa đơn bán hàng hóa tịch thu (bản sao);

- Bản sao chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với khoản thu xử phạt vi phạm hành chính liên quan của vụ việc (nếu có), chứng từ nộp tiền vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính đối với khoản thu từ xử lý tài sản (bắt buộc);

- Chứng từ phát sinh của các khoản chi phí đề nghị thanh toán, bao gồm: hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng, hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi...(bản gốc).

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị thực hiện xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và đã nộp số tiền thu được từ xử lý tài sản vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính theo quy định của pháp luật về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tiền bán tài sản tịch thu và Ủy nhiệm chi của Sở Tài chính.

i) Phí, lệ phí: Không có.

k) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không có.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

m) Căn cứ pháp lý

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

- Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính;

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13;

- Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

- Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

- Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả;

- Thông tư số 16/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

II. Lĩnh vực Tài chính đầu tư

1. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (Mã số 1.008864)

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Các tổ chức, đơn vị lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ ban hành Quy định về Quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán và nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính pháp lý và tính đầy đủ của hồ sơ, viết Giấy biên nhận và chuyển hồ sơ đến phòng Tài chính đầu tư thuộc Sở Tài chính trong ngày để thẩm tra.

- Bước 2: Phòng Tài chính đầu tư kiểm tra hồ sơ, tổ chức thẩm tra và đề xuất xử lý.

- Bước 3: Lãnh đạo Sở Tài chính xem xét, phê duyệt kết quả thẩm tra đối với dự án nhóm C hoặc có Báo cáo đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xem xét, phê duyệt đối với dự án nhóm A, B.

- Bước 4: Trả kết quả cho tổ chức, công dân hoặc trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt kết quả thẩm tra quyết toán, cụ thể:

+ Trả kết quả cho tổ chức, công dân: đối với dự án nhóm C.

+ Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán để UBND thành phố phê duyệt kết quả thẩm tra quyết toán: đối với dự án nhóm A, B.

- Bước 5: Sở Tài chính (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả) nộp hồ sơ (Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của Sở Tài chính) và nhận kết quả (Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND thành phố) tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Văn phòng UBND thành phố.

- Bước 6: Tổ chức, cá nhân liên hệ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Sở Tài chính để nhận hồ sơ đã giải quyết theo thời gian quy định.

b) Cách thức thực hiện

- Đơn vị gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn> hoặc Trang thông tin điện tử Sở Tài chính tại địa chỉ <http://www.taichinh.danang.gov.vn>

- Trường hợp có khó khăn trong việc lập hồ sơ trực tuyến (không có máy tính, máy scan, đường truyền không ổn định,...) thì có thể nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Sở Tài chính hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Thành phần hồ sơ

- Đối với dự án (dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập) hoàn thành, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu theo quy định.

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (sau đây gọi là thanh tra), kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong tờ trình chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên;

+ Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC (bản chính; các mẫu số 01/QTDA, 02/QTDA, 03/QTDA, 04/QTDA, 05/QTDA,

06/QTDA, 07/QTDA, 08/QTDA theo *Thông tư 96/2021/TT-BTC*);

+ Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA của Thông tư số 96/2021/TT-BTC (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính);

+ Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu (bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính): Hợp đồng xây dựng và các phụ lục hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến nội dung thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

+ Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng (bản chính), văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính);

+ Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính);

+ Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán (sau đây gọi chung là báo cáo kiểm toán), kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp dự án có vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các ý kiến của các cơ quan nêu trên của Chủ đầu tư.

- Đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu theo quy định:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính);

+ Biểu mẫu Báo cáo quyết toán theo quy định tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC (bản chính; các mẫu số: 03/QTDA, 08/QTDA, 09/QTDA);

+ Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 09/QTDA của Thông tư số 96/2021/TT-BTC (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính);

+ Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu: Hợp đồng, các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán (trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị); các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có), biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng (nếu có), bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (nếu có), biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng;

+ Báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của kiểm toán độc lập trong trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán;

+ Báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các ý kiến của các cơ quan nêu trên của chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán khi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản;

- Chủ đầu tư được gửi văn bản điện tử thay cho văn bản giấy. Văn bản điện tử phải đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về công tác văn thư.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết

- Dự án nhóm A: Thời gian thẩm tra tối đa không quá 03 tháng (đối với hồ sơ nộp trực tuyến tối đa không quá 88 ngày); thời gian phê duyệt tối đa không quá 12 ngày (đối với hồ sơ nộp trực tuyến tối đa không quá 11 ngày).

- Dự án nhóm B: Thời gian thẩm tra tối đa không quá 02 tháng (đối với hồ sơ nộp trực tuyến tối đa không quá 59 ngày); thời gian phê duyệt tối đa không quá 10 ngày (đối với hồ sơ nộp trực tuyến tối đa không quá 09 ngày).

- Dự án nhóm C: Thời gian thẩm tra tối đa không quá 01 tháng (đối với hồ sơ nộp trực tuyến tối đa không quá 30 ngày); thời gian phê duyệt tối đa không quá 08 ngày (đối với hồ sơ nộp trực tuyến tối đa không quá 07 ngày).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đối với công trình, hạng mục công trình nhóm A, B: Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính; cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.

+ Đối với công trình, hạng mục công trình nhóm C: Sở Tài chính.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Giám đốc Sở Tài chính hoặc của Chủ tịch UBND thành phố (theo phân cấp).

i) Chi phí: Theo quy định tại khoản 1, Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ ban hành Quy định về Quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành là chi phí tối đa, được xác định trên cơ sở giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành và tỷ lệ quy định tại bảng định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dưới đây:

<i>Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập (tỷ đồng)</i>	≤ 5	10	50	100	500	1.000	≥ 10.000
<i>Tỷ lệ định mức chi phí Thẩm tra, phê duyệt quyết toán (%)</i>	0,57	0,39	0,285	0,225	0,135	0,09	0,048

k) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không có.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

m) Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ ban hành Quy định về Quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

- Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Kế hoạch vốn bố trí cho công trình qua các năm và các văn bản cấp phát vốn;

- Hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá xây dựng cơ bản, các văn bản, quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đấu thầu, hợp đồng xây dựng và chế độ tài chính đầu tư do Trung ương và UBND thành phố Đà Nẵng ban hành.

III. Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp

1. Thủ tục: Phê duyệt hỗ trợ lãi suất cho dự án (Mã số 2.002565).

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1:

+ Chủ đầu tư nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng. Thời gian tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31/12/2025. Cách thức thực hiện:

(i) Đơn vị gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn> hoặc Trang thông tin điện tử Sở Tài chính tại địa chỉ <http://www.taichinh.danang.gov.vn>

(ii) Trường hợp có khó khăn trong việc lập hồ sơ trực tuyến (không có máy tính, máy scan, đường truyền không ổn định,...) thì có thể nộp hồ sơ trực tiếp Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

+ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, viết phiếu biên nhận, chuyển phòng chuyên môn giải quyết.

- Bước 2: Thẩm định, trình UBND thành phố

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan để thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Đối với các dự án chưa đủ điều kiện về thành phần hồ sơ: Chủ đầu tư phải bổ sung, hoàn chỉnh lại hồ sơ theo yêu cầu và nộp lại Sở Tài chính trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Quá thời gian này, nếu chủ đầu tư dự án chưa nộp lại hồ sơ hoàn chỉnh, Sở Tài chính có văn bản trả lại hồ sơ.

- Bước 3: UBND thành phố phê duyệt, ban hành Quyết định hỗ trợ lãi suất cho dự án

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố trả kết quả về Sở Tài chính và Sở Tài chính trả kết quả cho chủ đầu tư trực tiếp thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính hoặc dịch vụ bưu chính (theo yêu cầu của chủ đầu tư).

b) Cách thức thực hiện: Cơ quan, tổ chức, đơn vị lập hồ sơ gửi Sở Tài chính qua Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

Chủ đầu tư dự án có nhu cầu hỗ trợ lãi suất vốn vay lập hồ sơ theo thành phần quy định, gồm 06 bộ (trong đó 01 bộ là bản sao có công chứng) và gửi đến Sở Tài chính, cụ thể:

- Văn bản đăng ký hỗ trợ (theo mẫu đính kèm Nghị quyết 84/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (chỉ gửi 01 lần đầu tiên hoặc gửi lại khi có thay đổi điều chỉnh).

- Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định công nhận kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có). Đối với các dự án không thuộc trường hợp phải có các hồ sơ này thì cung cấp văn bản mà chủ đầu tư đã báo cáo cho cơ quan đăng ký đầu tư trước khi thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đầu tư.

- Báo cáo giải trình việc chấp hành các quy định của pháp luật quy hoạch, yêu cầu quản lý ngành, bảo vệ môi trường, xây dựng của dự án kèm theo các tài liệu chứng minh (nếu có) như: thông báo của cơ quan quản lý ngành về chủ trương cho phép triển khai dự án; quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của thành phố; văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án; giấy phép xây dựng.

- Hợp đồng tín dụng đã ký với tổ chức cho vay vốn (chỉ gửi 01 lần đầu tiên). Trường hợp tổ chức cho vay vốn đã bắt đầu giải ngân vốn vay cho dự án thì chủ đầu tư cung cấp thêm chứng từ giải ngân và bảng đối chiếu công nợ với tổ chức cho vay.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 40 ngày làm việc (trong đó tại Sở Tài chính là 20 ngày làm việc, tại UBND thành phố và Văn phòng UBND thành phố là 20 ngày làm việc) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức được hỗ trợ lãi suất là các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế tập thể được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã (gọi chung là chủ đầu tư) vay vốn để đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng thuộc lĩnh vực hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Các ngân hàng thương mại, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố. Các Sở, ban, ngành chuyên môn thuộc thành phố; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Đà Nẵng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn theo nghị quyết này.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan giải quyết: Sở Tài chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Phê duyệt hỗ trợ lãi suất cho dự án (hoặc văn bản phản hồi nếu dự án không đủ điều kiện).

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo mẫu đính kèm Nghị quyết 84/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị quyết số 84/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức vay vốn để đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

IV. Lĩnh vực Quản lý công sản

1. Thủ tục: Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm, thuê tài sản thuộc thẩm quyền của UBND thành phố hoặc Chủ tịch UBND thành phố sử dụng nguồn vốn nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. (Mã số 1.008867)

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị lập hồ sơ gửi Sở Tài chính qua Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng.

- Bước 2: Sở Tài chính kiểm tra, chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và liên thông trình UBND thành phố/Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt đối với những hồ sơ thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thành phố/Chủ tịch

UBND thành phố và nhận kết quả (văn bản phê duyệt của UBND thành phố) tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Văn phòng UBND thành phố.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Sở Tài chính trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Cách thức thực hiện:

- Đơn vị gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn> hoặc Trang thông tin điện tử Sở Tài chính tại địa chỉ <http://www.taichinh.danang.gov.vn>

- Trường hợp có khó khăn trong việc lập hồ sơ trực tuyến (không có máy tính, máy scan, đường truyền không ổn định,...) thì có thể nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Sở Tài chính hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (bản chính);
- Dự thảo kế hoạch lựa chọn nhà thầu (bản chính);
- Các tài liệu là căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (bản sao);
- Tài liệu khác có liên quan;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

TT	Tài sản	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)				
		Sở Tài chính		UBND TPĐN	Tổng cộng	
		Trực tiếp	Trực tuyến		Trực tiếp	Trực tuyến
1	Xe ô tô, tàu	15	12	5	20	17
2	Nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc, tài sản khác gắn liền với đất.	18	15	7	25	22

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính; cơ quan có thẩm quyền quyết định:

- UBND thành phố: Đối với nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và công trình, vật kiến trúc, tài sản khác gắn liền với đất.

- Chủ tịch UBND thành phố: Đối với xe ô tô, tàu.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của UBND thành phố hoặc Chủ tịch UBND thành phố.

i) Chi phí: Không có.

k) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không có.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

m) Căn cứ pháp lý

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của HĐND thành phố quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng;

- Các văn bản pháp lý quy định hiện hành khác.